-INSERT INTO thêm dữ liệu

Vd: insert into jbe08.class(name) values(‘javabe’)

-truncate xóa dữ liệu

-lệnh delete : delete from jbe\_08.class where id=9;

- lệnh update: update class set name = ‘flutter 03’ where id=8;

!!doc lecture 6

-lệnh group by : select name , avg(mark) as average from grades group by name (gom nhóm)

-where dung trước group by còn having sau (having chỉ sử dụng trong group by)

- lệnh order by(sắp xếp kết quả): select \* from nhan vien order by Luong asc; (asc tang dần, esc giảm dần

- lệnh union(kết hợp các giá trị truy vấn, phải giống nhau về các cột):

- nên dung union all để tiết kiệm chi phí, thời gian vì union distin các giá trị

-chuyển dữ liệu : insert into nhanvien\_rap select \* from nhanvien; (đẩy dl từ nhanvien sang nhanvien\_ra

- INNER JOIN , OUTER JOIN (left join, right join)

- INNER JOIN lấy phần giao nhau của 2 bảng theo điều kiện:

Select distinct a.\* from nhanvien a

Join chungnhan b on a.MaNV = b.MaNV (distinct chỉ lấy 1 giá trị, loại bỏ các giá trị trùng)

-OUTER JOIN : LEFT JOIN: lấy phần bên trái cùng phần giao ngược lại right join

!! sửa bt , add dữ liệu